

Số: 3414 /QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 11 tháng 12 năm 2016

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy định quản lý tài chính của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/05/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/06/2013;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2490/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Xét đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý tài chính của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Bộ KH&CN (b/c);
- TTr.TU, TTr.HĐND (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở KH&ĐT;
- Kho bạc NN tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, TH.

 (15)



**Đặng Minh Thông**

## **QUY ĐỊNH**

### **Quản lý tài chính của**

### **Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3444/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2016 của  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định thực hiện chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là Quỹ).

2. Quy định này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý và sử dụng kinh phí do Quỹ cấp kinh phí, tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, hỗ trợ và tham gia quản lý điều hành Quỹ.

#### **Điều 2. Nguyên tắc quản lý tài chính của Quỹ**

1. Quỹ là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, có chức năng cấp kinh phí để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay và hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ của địa phương nhằm hỗ trợ, thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Quỹ thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

#### **Điều 3. Điều kiện đăng ký tài trợ, vay vốn, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay**

1. Tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải có đủ năng lực chuyên môn và điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật phù hợp với từng loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Tổ chức đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải là tổ chức khoa học và công nghệ hoặc doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký tài trợ, vay vốn không được trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã hoặc đang thực hiện bằng nguồn ngân sách nhà nước.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN**

#### **Điều 4. Nguồn tài chính hoạt động**

1. Vốn do ngân sách nhà nước cấp



a) Vốn điều lệ của Quỹ là 50 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh dành cho sự nghiệp khoa học và công nghệ;

b) Kinh phí ngân sách cấp hàng năm thông qua Quỹ cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được phân cấp quản lý cho tỉnh, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trực tiếp quản lý và chi cho hoạt động quản lý của Quỹ;

c) Các nguồn ngân sách khác.

## 2. Các nguồn vốn khác

a) Các khoản thu từ kết quả hoạt động của Quỹ, khoản phân chia lợi nhuận thu được từ việc sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và các khoản thu hợp pháp khác;

b) Nhận uỷ thác của các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ và các tỉnh, thành khác;

c) Kinh phí được điều chuyển từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp Nhà nước do tỉnh trực tiếp quản lý;

d) Kinh phí được điều chuyển tự nguyện hoặc nhận uỷ thác từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp ngoài Nhà nước;

đ) Các khoản đóng góp tự nguyện, tài trợ, hỗ trợ, hiến tặng và nhận uỷ thác của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và ngoài nước và các nguồn vốn bổ sung khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 5. Quản lý và sử dụng vốn**

1. Vốn hoạt động của Quỹ phải được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và theo Quy định này.

2. Mức chi, đối tượng chi, nội dung chi từ nguồn ngân sách nhà nước cấp được thực hiện theo quy định hiện hành về chi các nhiệm vụ khoa học công nghệ và hoạt động quản lý của Quỹ.

3. Quỹ được sử dụng vốn điều lệ được cấp trong thời gian nhân rồi, chưa sử dụng để gửi tại các ngân hàng thương mại.

4. Quỹ được chuyển vốn dư sang năm sau theo quy định.

## **Chương III**

### **QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ CỦA QUỸ**

Hoạt động nghiệp vụ của Quỹ bao gồm cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay và hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ của địa phương.

## **Điều 6. Cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Quỹ cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, được thực hiện theo quy định riêng của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **Điều 7. Hoạt động tài trợ**

1. Đối tượng tài trợ: Tài trợ một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do tổ chức, cá nhân đề xuất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Quỹ tài trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần kinh phí thực hiện:

a) Các đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, ưu tiên các đề tài phù hợp với các định hướng đã được phê duyệt trong Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và quy hoạch, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh;

b) Các đề tài nghiên cứu ứng dụng, ưu tiên các đề tài để tạo ra công nghệ mới, đổi mới công nghệ theo định hướng ưu tiên của tỉnh, công bố hàng năm;

c) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất mới phát sinh có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng thuộc các lĩnh vực khoa học và công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và khoa học liên ngành.

## **Điều 8. Hoạt động hỗ trợ**

1. Đối tượng hỗ trợ: Các hoạt động nâng cao năng lực khoa học công nghệ trong phạm vi của tỉnh, nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

2. Quỹ hỗ trợ các hoạt động:

a) Tổ chức hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành tại tỉnh. Đối với chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài được mời tham dự và trình bày báo cáo tại hội thảo được hỗ trợ chi phí đi lại (vé máy bay khứ hồi) và một phần chi phí ăn, ở, trong thời gian tổ chức hội thảo;

b) Tham dự và trình bày báo cáo khoa học (oral presentation) tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế tổ chức ở nước ngoài: được hỗ trợ chi phí tham dự hội thảo, chi phí đi lại, ăn, ở trong thời gian dự hội nghị, hội thảo;

c) Thực tập, nghiên cứu ngắn hạn (dưới 6 tháng) của các nhà khoa học và nghiên cứu sinh tại các tổ chức khoa học, phòng thí nghiệm ở nước ngoài mà trong nước chưa có đủ điều kiện thực hiện để giải quyết những vấn đề của đề tài đang thực hiện do Quỹ tài trợ: được hỗ trợ chi phí đi lại (máy bay khứ hồi một lần) và một phần sinh hoạt phí trong thời gian ở nước ngoài;

d) Hỗ trợ tối đa 100% phí công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín;

đ) Hỗ trợ tối đa 100% phí đăng ký quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu hàng hóa; đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp trong nước và nước ngoài;

e) Hỗ trợ tối đa 100% chi phí xuất bản công trình khoa học có giá trị cao về khoa học và thực tiễn là kết quả của đề tài, dự án do Quỹ hoặc nguồn ngân sách khác của Nhà nước tài trợ;



g) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí sử dụng phòng thí nghiệm của các nhà khoa học đầu ngành, phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ;

h) Hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định tại Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/05/2014 của Chính phủ về việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ;

i) Các nhiệm vụ hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ khác được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

4. Tổng kinh phí hỗ trợ một số hoạt động nhằm nâng cao năng lực khoa học và công nghệ hàng năm không quá 10% vốn điều lệ của Quỹ.

### **Điều 9. Nguyên tắc tài trợ, hỗ trợ**

1. Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành và quy định của Hội đồng quản lý Quỹ, cơ quan điều hành Quỹ tổ chức các Hội đồng khoa học và công nghệ, chuyên gia tư vấn độc lập để xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tài trợ và trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định tài trợ, mức tài trợ, mức thu hồi đối với từng nhiệm vụ, đề tài, dự án, chương trình cụ thể.

2. Trong quá trình thực hiện, Hội đồng quản lý Quỹ được quyền điều chỉnh mức vốn tài trợ, hỗ trợ để phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo tính hiệu quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Việc tài trợ, hỗ trợ phải được thực hiện đúng đối tượng, vốn tài trợ, hỗ trợ phải được sử dụng đúng mục đích và phải được giải ngân theo tiến độ thực hiện.

4. Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch vốn và nhu cầu tài trợ, hỗ trợ của các đối tượng, cơ quan điều hành Quỹ lập kế hoạch tài trợ, hỗ trợ trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

### **Điều 10. Hoạt động cho vay**

1. Đối tượng cho vay: Các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo yêu cầu của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Điều kiện cho vay: Quỹ cho vay để thực hiện dự án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc các chương trình, đề tài dự án khoa học và công nghệ trong kế hoạch của nhà nước, mang lại hiệu quả kinh tế xã hội với tỉnh và không được trùng lặp với các dự án đã được các Chương trình, Quỹ khác thuộc ngân sách nhà nước cho vay.

3. Quỹ cho vay với lãi suất thấp hoặc không lấy lãi các dự án khoa học và công nghệ của tỉnh.

a) Cho vay vốn không lấy lãi bao gồm các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước; ứng dụng công nghệ cao hoặc sản xuất sản phẩm công nghệ cao; tạo việc làm và thu nhập tại các vùng nông thôn, miền núi, các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội của tỉnh;

b) Cho vay với lãi suất bằng lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước được Bộ trưởng Bộ tài chính quyết định trong từng thời kỳ đối với các dự án đổi mới công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng và sức cạnh tranh cao.

4. Cho vay không lấy lãi hoặc cho vay với lãi suất thấp đối với từng dự án cụ thể do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

5. Quỹ cho vay trên cơ sở có tài sản bảo đảm bằng các hình thức cầm cố tài sản, thế chấp tài sản và các biện pháp đảm bảo khác quy định của pháp luật. Trong trường hợp việc cho vay không có tài sản bảo đảm đối với các dự án có tính chất đầu tư sẽ do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

6. Hàng năm, Quỹ trích lập dự phòng rủi ro để bù đắp tổn thất rủi ro trong hoạt động cho vay do nguyên nhân khách quan phát sinh trong quá trình cho vay như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh ..., để giảm trừ tổn thất. Mức trích lập dự phòng rủi ro thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **Điều 11. Bảo lãnh vốn vay**

1. Đối tượng bảo lãnh vốn vay: Bảo lãnh vốn vay cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Điều kiện bảo lãnh vốn vay: Dự án đã được tổ chức tín dụng khác thẩm định cho vay và có văn bản yêu cầu bảo lãnh gửi Quỹ; có phương án tài chính, phương án trả nợ vốn vay và có tài sản đảm bảo bằng hình thức cầm cố, thế chấp được Quỹ chấp nhận.

3. Mức bảo lãnh không vượt quá vốn vay.

4. Thời gian bảo lãnh vay vốn được xác định phù hợp với thời hạn vay vốn đã thỏa thuận giữa chủ dự án với tổ chức tín dụng cho vay thực hiện dự án, nhưng không quá khung thời gian cho vay được quy định của Quỹ.

5. Chủ dự án bảo lãnh vốn vay phải trả cho Quỹ một khoản phí bảo lãnh bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số tiền đang bảo lãnh. Mức cụ thể theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính.

### **Điều 12. Nguyên tắc cho vay, bảo lãnh tiền vay.**

1. Tổ chức cá nhân đề xuất vay vốn của Quỹ hoặc được Quỹ bảo lãnh vốn vay phải tuân theo các quy định của Quỹ và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quỹ cho vay theo nguyên tắc có hoàn trả, đúng đối tượng, tuân theo các quy định hiện hành của nhà nước và các quy định do Quỹ ban hành, bảo đảm thu hồi vốn vay, vốn bảo lãnh vốn vay.

3. Các đối tượng vay vốn của Quỹ phải đảm bảo sử dụng vốn vay đúng mục đích đã ghi trong hợp đồng tín dụng, có khả năng tài chính để hoàn trả đầy đủ và đúng hạn vốn vay.

4. Mức vốn vay và thẩm quyền quyết định mức vốn vay trong phạm vi khả năng nguồn vốn cho phép của Quỹ, phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn, kế hoạch thu - chi tài chính hàng năm đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.



5. Mức vốn vay cho mỗi dự án của Quỹ không lớn hơn 5 tỷ đồng và không quá 70% vốn đầu tư có ứng dụng công nghệ của dự án. Thời hạn cho vay được xác định phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ, điều kiện cụ thể của dự án vay vốn và khả năng trả nợ của người vay nhưng không quá 36 tháng.

6. Ủy thác việc cho vay và bảo lãnh vốn vay

a) Quỹ ủy thác cho các tổ chức tín dụng thực hiện việc cho vay, bảo lãnh vốn vay theo nguyên tắc: Quỹ chịu trách nhiệm về việc lựa chọn đối tượng, dự án theo tiêu chí khoa học và công nghệ, xác định mục đích sử dụng vốn, quy định về mức lãi suất được áp dụng. Bên nhận ủy thác có quyền về quyết định tín dụng, thực hiện các nghiệp vụ và chịu rủi ro tín dụng;

b) Việc ủy thác cho vay, bảo lãnh vốn vay được thực hiện thông qua hợp đồng ủy thác, phù hợp với các quy định của quy định này và các quy định của pháp luật. Quỹ chỉ trả phí ủy thác và các chi phí khác theo quy định cho bên nhận ủy thác;

c) Quỹ thực hiện kiểm tra, theo dõi việc sử dụng vốn, chịu trách nhiệm thu hồi vốn ủy thác cho vay, vốn ủy thác bảo lãnh. Kỳ hạn giải ngân và hoàn trả vốn ủy thác được quy định trong hợp đồng ủy thác, phù hợp với tiến độ dự án, phù hợp với kỳ hạn rút vốn và kỳ hạn trả nợ được quy định trong hợp đồng tín dụng.

7. Tổng số vốn cho vay, bảo lãnh vốn vay hàng năm không quá 20% vốn điều lệ của Quỹ. Tổng số dư nợ cho vay và bảo lãnh vốn vay không quá 50% vốn điều lệ của Quỹ.

### **Điều 13. Nhận ủy thác**

1. Quỹ được nhận vốn ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tài trợ hoặc cho vay các nhiệm vụ, đề tài, dự án, chương trình theo hợp đồng ủy thác.

2. Nguồn vốn nhận ủy thác, các khoản tài trợ, cho vay theo hợp đồng ủy thác phải được theo dõi, quản lý riêng. Kết thúc thời hạn ủy thác, Quỹ có trách nhiệm thu hồi các khoản tài trợ, cho vay theo ủy thác và quyết toán nguồn vốn nhận ủy thác với người ủy thác theo hợp đồng ủy thác.

3. Quỹ được hưởng phí ủy thác và các khoản lợi khác được thỏa thuận trong hợp đồng nhận ủy thác, tài trợ, cho vay, phù hợp với quy định của pháp luật và phải đảm bảo bù đắp chi phí, bù đắp xử lý rủi ro và có lãi.

### **Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ**

1. Phê duyệt kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

2. Quyết định phê duyệt đề tài, dự án khoa học và công nghệ và kinh phí do Quỹ tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay và nhận ủy thác; phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí hỗ trợ cho hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ.

3. Ban hành các quy định cụ thể về hồ sơ, tiêu chí đánh giá, xét chọn nhiệm vụ, đề tài, dự án, chương trình được Quỹ tài trợ, hỗ trợ, cho vay và bảo lãnh vốn vay từ nguồn vốn của Quỹ.

4. Giám sát, kiểm tra hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ trong việc thực hiện các quy định của nhà nước và quy định của Hội đồng quản lý Quỹ.



### **Điều 15. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát Quỹ**

1. Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ kế toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ, thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ. Có trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản lý Quỹ bằng văn bản kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của Quỹ.

2. Xem xét trình Hội đồng quản lý Quỹ giải quyết khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động của Quỹ.

### **Điều 16. Trách nhiệm của Cơ quan điều hành Quỹ**

1. Tổ chức các cuộc họp Hội đồng khoa học và công nghệ để tổ chức đánh giá xét chọn, tuyển chọn, thẩm định các nhiệm vụ án khoa học và công nghệ, trên cơ sở đó trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, nhận ủy thác đối với từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cụ thể theo quy định.

2. Xem xét, tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ, trình Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ theo quy định.

3. Căn cứ vào các quy định hiện hành của Nhà nước và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt, cơ quan điều hành Quỹ ký kết hợp đồng tài trợ, hỗ trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay và ủy thác cho vay theo quy định.

4. Thực hiện cấp kinh phí và quyết toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý.

5. Quản lý các kết quả nghiên cứu, trình Hội đồng quản lý Quỹ biện pháp xử lý các vi phạm hợp đồng tài trợ, hỗ trợ, cho vay và bảo lãnh vốn vay.

### **Điều 17. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân được tài trợ, hỗ trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay**

1. Thực hiện đúng các khoản ghi trong hợp đồng tài trợ, hỗ trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay đã ký, huy động đủ các nguồn vốn như đã cam kết để thực hiện nhiệm vụ, đề tài, dự án, chương trình.

2. Sử dụng vốn hiệu quả, đúng mục đích đã ghi trong hợp đồng, đúng chế độ tiêu chuẩn; định kỳ báo cáo tình hình sử dụng vốn theo đúng quy định.

3. Tổ chức, cá nhân được Quỹ tài trợ, hỗ trợ, vay vốn của Quỹ thực hiện quyết toán trực tiếp với cơ quan điều hành Quỹ theo đúng quy định.

### **Điều 18. Xử lý đối với một số trường hợp tài trợ, hỗ trợ, cho vay và bảo lãnh vốn vay không đúng đối tượng**

1. Hội đồng quản lý Quỹ, cơ quan điều hành Quỹ phải chịu trách nhiệm về các quyết định tài trợ, hỗ trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay không đúng đối tượng.

2. Trường hợp các nhiệm vụ, đề tài, dự án được tài trợ không đúng đối tượng, không đúng quy định, sử dụng vốn sai mục đích, sai chế độ tiêu chuẩn quy định thì cơ quan điều hành Quỹ có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ dừng việc thanh toán kinh phí còn lại và thu hồi phần sử dụng sai mục đích, sai chế độ và tùy theo mức độ sai phạm cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án còn phải chịu các chế tài xử lý vi phạm khác theo quy định của pháp luật.



## **Điều 19. Xử lý rủi ro**

1. Trường hợp các nhiệm vụ, đề tài, dự án phải ngừng triển khai hoặc không đạt kết quả theo dự kiến do nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ...) không thể hoàn trả được đầy đủ, đúng hạn vốn đã vay, nhận tài trợ, trong trường hợp này đơn vị chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, đề tài, dự án phải báo cáo kịp thời với cơ quan điều hành Quỹ bằng văn bản kèm theo các hồ sơ liên quan đề nghị xử lý rủi ro. Cơ quan điều hành Quỹ kiểm tra xác nhận hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

### 2. Thẩm quyền xử lý rủi ro

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định gia hạn thời hạn cho vay của các dự án;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định miễn, giảm vốn thu hồi, miễn giảm lãi cho vay đối với các dự án trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xóa nợ gốc cho vay đối dự án trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản lý Quỹ;

d) Căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Quỹ phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện xử lý rủi ro.

## **Chương IV**

### **QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA QUỸ**

#### **Điều 20. Nguồn kinh phí hoạt động của bộ máy Quỹ**

1. Ngân sách nhà nước cấp kinh phí hoạt động thường xuyên theo dự toán thu chi hàng năm.

#### 2. Thu từ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ

a) Thu lãi cho vay, phí quản lý từ các dự án vay vốn của Quỹ; Thu từ các hoạt động bảo lãnh vốn vay, hoạt động uỷ thác; Thu từ các hoạt động hợp tác với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Quỹ; Thu từ hoạt động nghiệp vụ khác;

b) Thu từ hoạt động tài chính;

c) Thu khác: Các khoản thu phạt; Thu thanh lý, nhượng bán tài sản của Quỹ (sau khi trừ giá trị còn lại và các khoản chi phí thanh lý, nhượng bán) theo quy định hiện hành; Thu nợ đã xóa nay thu hồi được; Các khoản thu hợp pháp khác.

#### **Điều 21. Chi hoạt động của bộ máy Quỹ**

#### 1. Chi hoạt động thường xuyên

a) Chi quản lý: Chi lương, các khoản có tính chất lương, phụ cấp và các khoản đóng theo lương; chi đoàn ra, đoàn vào; chi công tác phí, chi thuê mướn, hội nghị, hội thảo; chi dịch vụ công cộng: xăng dầu, điện nước, điện thoại, văn phòng phẩm; các khoản mua sắm, sửa chữa thường xuyên tài sản cố định, trang thiết bị văn phòng và các khoản chi thường xuyên khác theo chế độ quy định hiện hành;

b) Chi hoạt động nghiệp vụ

- Chi tuyển chọn, xét chọn, thẩm định đề tài, dự án và các nhiệm vụ khoa học công nghệ; chi đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Chi đánh giá, kiểm tra hoạt động nâng cao năng lực khoa học công nghệ của tỉnh;

- Chi mua tài liệu, tư liệu, thông tin tuyên truyền, quảng bá, xây dựng và duy trì trang web phục vụ cho các hoạt động của Quỹ;

- Chi dịch vụ ủy thác; Chi quản lý dự án cho vay, bảo lãnh vốn vay; chi ủy thác cho vay, bảo lãnh vốn vay; Chi thu hồi nợ, lãi vay, quản lý vốn vay, vốn ủy thác từ nguồn vốn của Quỹ;

- Chi tổ chức hội thảo khoa học trong nước; các lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo tổng kết, sơ kết của Quỹ;

- Chi hoạt động tăng cường tiềm lực, nâng cao năng lực cho Quỹ; Chi tiền thuê trụ sở làm việc.

c) Chi hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ

- Chi thù lao, phụ cấp kiêm nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ;

- Chi đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ, cho vay và bảo lãnh vốn vay;

- Chi phí họp, chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản lý.

- Các chi phí khác liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ.

d) Chi hoạt động của Ban Kiểm soát Quỹ

- Chi thù lao kiêm nhiệm cho các thành viên Ban Kiểm soát theo chế độ chi được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;

- Chi phí hoạt động kiểm tra đánh giá và các chi phí khác.

e) Chi hoạt động của Hội đồng khoa học, hoạt động của các chuyên gia tư vấn độc lập: chi hoạt động xét chọn, đánh giá, thẩm định, nghiệm thu và các chi phí khác liên quan đến Hội đồng khoa học.

2. Các khoản chi không thường xuyên của hoạt động bộ máy: Chi đầu tư xây dựng cơ bản; Chi mua sắm sửa chữa lớn tài sản phục vụ cho hoạt động bộ máy Quỹ; chi tổ chức các hoạt động theo chức năng và các khoản chi không thường xuyên khác.

3. Mức chi:

a) Mức chi hoạt động, chi nghiệp vụ, chi quản lý thực hiện theo quy định hiện hành.

b) Chi thù lao, phụ cấp kiêm nhiệm cho Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ thực hiện theo chế độ chi của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cho hoạt động đặc thù của Quỹ;

c) Mức chi các cuộc họp định kỳ, đột xuất của Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện theo Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/04/2015 của liên bộ Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ;



d) Đối với một số nội dung chi, mức chi chưa được ban hành trong các quy định hiện hành, căn cứ nội dung về mức chi theo quy định tương tự, Giám đốc Quỹ đề xuất, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

#### 4. Cơ chế tài chính:

a) Quỹ là đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định của Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan;

b) Trong những năm đầu hoạt động khi nguồn thu của Quỹ chưa có để chi hoạt động thường xuyên, Giám đốc Quỹ lập dự toán trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

#### **Điều 22. Quản lý và sử dụng tài sản**

Đầu tư mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản cố định phục vụ cho hoạt động của Quỹ được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành áp dụng.

#### **Điều 23. Lập và phê duyệt kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ**

1. Hàng năm vào thời điểm xây dựng dự toán, Giám đốc Quỹ lập kế hoạch tài chính của Quỹ bao gồm các nội dung: kế hoạch tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay; kế hoạch bổ sung vốn từ ngân sách nhà nước; dự toán thu chi hoạt động của bộ máy quản lý điều hành của Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ thẩm định và phê duyệt kế hoạch tài chính và gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trong dự toán chi hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm của tỉnh.

### **Chương V**

## **CÔNG TÁC KẾ TOÁN, THỐNG KÊ, QUYẾT TOÁN**

#### **Điều 24. Công tác kế toán, thống kê và quyết toán**

1. Quỹ tổ chức thực hiện công tác kế toán theo quy định của Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn. Quỹ thực hiện công tác thống kê theo quy định của Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Thống kê.

2. Quỹ được áp dụng chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp ban hành theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi có liên quan để thực hiện công tác kế toán của Quỹ.

3. Hàng năm Giám đốc Quỹ lập và nộp báo cáo quyết toán tài chính gửi Ban Kiểm soát thẩm định. Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và gửi cơ quan quản lý tài chính thẩm tra, xét duyệt quyết toán của Quỹ theo quy định hiện hành và tổng hợp vào báo cáo quyết toán năm của Sở Khoa học và Công nghệ .

#### **Điều 25. Kiểm tra tài chính**

1. Hàng năm Quỹ thực hiện tự kiểm tra tài chính kế toán theo Quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước ban hành theo Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/08/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Quỹ thực hiện công khai tài chính và chịu sự kiểm tra tài chính theo quy định hiện hành.

## **Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 26. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản đúng mục đích, hiệu quả phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các quy định hiện hành của nhà nước.

2. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện chức năng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

3. Sở Tài chính thực hiện chức năng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về các hoạt động tài chính của Quỹ.

### **Điều 27. Hiệu lực thi hành.**

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu thực hiện trong quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi bổ sung, thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, Cơ quan điều hành Quỹ tổng hợp, báo cáo thông qua Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. / *ng*

**K. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Minh Thông**